

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chung
2. Bà Vũ Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Khương.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST - HNGĐ ngày 27/3/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị M, sinh năm 1970.

Nơi ĐKKHKT: Thôn x, xã HN, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Công ty TNHH TL, ấp B, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Vắng mặt(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đình P, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Thôn X, xã HN, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2017, bản tự khai ngày 29/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tống Thị M trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Đình P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/12/1994. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh P thường hay chửi mắng đánh đập chị. Từ năm 2011 vợ chồng đã sống ly thân, tháng 7 năm 2016 chị đã làm thủ tục ly hôn nhưng anh P xin cho anh một cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nên chị đã rút đơn khởi kiện, nhưng kể từ đó đến nay

anh P không hề thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị M yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị K O, sinh ngày 28/12/1995 và Phạm T T sinh ngày 16/02/2003. Cháu O đã thành niên tự lập được, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 500.000đ(*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị ngày 05/7/2017 chị M thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Đình P nhiều lần đến Tòa án viết bản tự khai và giải quyết vụ án nhưng anh P không có mặt, nên không có lời khai của anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, chị Tống Thị M trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Anh Phạm Đình P không chấp hành nghiêm đối với việc triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị M được ly hôn anh P, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M, chị M phải chịu án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Đình P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên hòa giải, nhưng anh P không đến để tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Anh Phạm Đình P đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, chị Tống Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh P.

[2]. Về hôn nhân: Chị Tống Thị M và anh Phạm Đình P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, chị M về quê ngoại ở và đi làm ăn xa, hai bên không có trách nhiệm gì

với nhau. Mặc dù biết chị M có đơn ly hôn, anh P cũng không tha thiết níu kéo, bỏ mặc, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị M được ly hôn anh P là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Phạm K O đã thành niên, cháu Phạm T T sinh ngày 16/02/2003, chị M có nguyện vọng nuôi cháu T. Xét nguyện vọng nuôi con của chị M, kham khảo ý kiến của cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, nên chấp nhận đề nghị của chị M, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M là công nhân làm việc tại công ty T có thu nhập ổn định, nghĩ nên ghi nhận ý kiến của chị M, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Phạm Đình P không đến Tòa án làm bản tự khai nên HĐXX không biết được nội dung yêu cầu của anh P đối với phần tài sản và công nợ, giữa anh P và chị M sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu thỏa thuận không được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tổng Thị M và anh Phạm Đình P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm T T sinh ngày 16/02/2003 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh P có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tổng Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002280 ngày 24/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị M, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

